

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc Ngành Thanh tra đã được chuẩn hóa áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 41/TTr-TTr ngày 30/3/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc Ngành Thanh tra đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh/ UBND cấp tỉnh/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã tỉnh Kiên Giang,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc Ngành Thanh tra đã được chuẩn hóa áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa thuộc Ngành Thanh tra áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang tại địa chỉ: <http://kstthc.kiengiang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để niêm yết công khai và thực hiện đúng theo quy định.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / H.2

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- Đăng Công báo;
- LĐVP, Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT, hvathien (1b).

**KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC NGÀNH THANH TRA  
ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN HÓA ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 783 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng</b>					
01	Kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm sau.	Thanh tra tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/3/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.
02	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCT đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.	Thanh tra tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/3/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.
03	Xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn	Thanh tra tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tối đa không quá 30 ngày làm việc.			ngày 17/3/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013.
04	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thanh tra tỉnh	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCTP ngày 29/4/2014.
05	Thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Thanh tra tỉnh	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCTP ngày 29/4/2014.

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực: Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>					
01	Giải quyết khiếu nại lần đầu	<b>Theo Điều 28 Luật Khiếu nại:</b> Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Sở	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013;</li> <li>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016.</li> </ul>
02	Giải quyết khiếu nại lần hai	<b>Theo Điều 37 Luật Khiếu nại:</b> Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Sở	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013;</li> <li>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>			ngày 20/10/2016.
03	Giải quyết tố cáo	<p><b>Theo quy định tại Điều 21 Luật Tố cáo:</b> Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.</p>	Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Sở	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tố cáo;</li> <li>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013.</li> </ul>
04	Tiếp công dân	<p><b>Theo Khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã</p>	Ban Tiếp công dân tỉnh; Bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, các sở	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tiếp công dân;</li> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Luật Tố cáo;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.			ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014.
05	Xử lý đơn	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban Tiếp công dân tỉnh; Bộ phận xử lý đơn thư thuộc Thanh tra tỉnh và các sở	Không	- Luật Khiếu nại; - Luật Tố cáo; - Luật Tiếp công dân; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014.

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực: Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>					
01	Giải quyết khiếu nại lần đầu	<b>Theo Điều 28 Luật Khiếu nại:</b> Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Thanh tra huyện; ban phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013;</li> <li>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016.</li> </ul>
02	Giải quyết khiếu nại lần hai	<b>Theo Điều 37 Luật Khiếu nại:</b> Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Thanh tra huyện; ban phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013;</li> <li>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>			<p>ngày 20/10/2016.</p>
03	Giải quyết tố cáo	<p><b>Theo quy định tại Điều 21 Luật Tố cáo:</b> Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.</p>	<p>Thanh tra huyện; ban phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tố cáo;</li> <li>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013.</li> </ul>
04	Tiếp công dân	<p><b>Theo Khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã</p>	<p>Ban Tiếp công dân huyện, Thanh tra huyện, các phòng chuyên môn</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tiếp công dân;</li> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Luật Tố cáo;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	thuộc UBND huyện		ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014.
05	Xử lý đơn	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban Tiếp công dân huyện, Thanh tra huyện, các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện	Không	- Luật Khiếu nại; - Luật Tố cáo; - Luật Tiếp công dân; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014.

## D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực: Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>					
01	Giải quyết khiếu nại lần đầu	<b>Theo Điều 28 Luật Khiếu nại:</b> Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013;</li> <li>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016.</li> </ul>
02	Giải quyết tố cáo	<b>Theo quy định tại Điều 21 Luật Tố cáo:</b> Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tố cáo;</li> <li>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Thông tư 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.			
03	Tiếp công dân	<b>Theo Khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tiếp công dân;</li> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Luật Tố cáo;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014;</li> <li>- Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014.</li> </ul>
04	Xử lý đơn	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại;</li> <li>- Luật Tố cáo;</li> <li>- Luật Tiếp công dân;</li> <li>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;</li> <li>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014.

